

Số: 934 /BHXH-DVT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

V/v quản lý, thanh toán thuốc
Erythropoietin

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc Phòng;
- Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến.

Ngày 21/02/2014, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam đã có Công văn số 540/BHXH-DVT xin ý kiến Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý, thanh toán chi phí thuốc Erythropoietin, tuy nhiên cho đến nay, chưa nhận được ý kiến của Bộ Y tế.

Trong khi chờ BHXH Việt Nam tiếp tục xin ý kiến Bộ Y tế, Bộ Tài chính, để tránh tình trạng lạm dụng quỹ BHYT đối với thuốc Erythropoietin, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tạm thời hướng dẫn Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc Phòng và Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến (sau đây gọi chung là BHXH tỉnh) thống nhất với Sở Y tế, các cơ sở khám, chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) trên địa bàn thực hiện quản lý, thanh toán chi phí thuốc Erythropoietin như sau:

1. Quản lý việc lựa chọn thuốc trong quá trình đấu thầu mua thuốc:

Hiện tại trên thị trường lưu hành thuốc Erythropoietin, tiêm dưới các hàm lượng như 1000 UI, 2000 UI, 3000 UI, 4000 UI, 5000 UI, 6000 UI và 10 000 UI, tuy nhiên hàm lượng lưu hành phổ biến là 1000 UI, 2000 UI, 4000 UI với các dạng bào chế bao gồm “bột đông khô để pha tiêm” hoặc “dung dịch tiêm”. Trong đó dạng thuốc “bột đông khô để pha tiêm” được đóng gói trong “lọ” và “dung dịch tiêm” được đóng gói trong “lọ/ống” hoặc “bơm tiêm/ syringe”.

Việc chỉ ghi đích danh “bột đông khô để pha tiêm”, lọ hoặc “dung dịch tiêm”, lọ/ống hoặc “dung dịch tiêm” đóng gói sẵn trong “bơm tiêm/ syringe” của một số hàm lượng thuốc dẫn đến hạn chế nhà thầu tham dự, do vậy có thể làm giá thuốc trúng thầu cao, trong khi chưa có cơ sở để khẳng định thuốc được đóng sẵn trong “bơm tiêm/ syringe” làm tăng hiệu quả điều trị của thuốc so với việc thuốc được đóng gói trong “lọ/ống” (Phụ lục 1, 2 và Phụ lục 3 kèm theo Công văn).

Do vậy để đảm bảo hiệu quả sử dụng quỹ BHYT, đối với kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu mua thuốc Erythropoietin, tiêm sử dụng cho bệnh nhân BHYT, một số nội dung ghi thông tin của thuốc thống nhất như sau:

- Nồng độ hoặc hàm lượng: chỉ ghi các hàm lượng theo yêu cầu sử dụng của cơ sở KCB, như 1000 UI, 2000 UI, 4000 UI. Với các hàm lượng không phổ biến, cơ sở KCB cần nghiên cứu chất lượng, giá cả thuốc thật sự phù hợp để tránh tình trạng tạo điều kiện chỉ định thầu, giá thành cao bất hợp lý.

- Dạng bao chế: đơn vị chỉ ghi “bột đông khô để pha tiêm hoặc dung dịch tiêm”. Không ghi quy cách đóng gói đặc biệt để hạn chế nhà thầu, giá thuốc cao bất hợp lý.

- Đơn vị tính: đơn vị ghi đầy đủ các lựa chọn bao gồm lọ hoặc ống hoặc bơm tiêm. Việc đóng gói sẵn dưới dạng “bơm tiêm” chỉ được đưa vào xét ưu tiên khi các thuốc của các nhà sản xuất khác nhau có cùng “giá đánh giá” trong quá trình xét lựa chọn nhà thầu.

2. Quản lý thanh toán thuốc sau khi có kết quả đấu thầu thuốc:

- Giá thuốc thanh toán BHYT: Đối chiếu Phụ lục 4 kèm theo Công văn này để thực hiện thanh toán chi phí thuốc BHYT.

Đối với trường hợp giá thuốc tại cơ sở KCB cao bất hợp lý so với giá thuốc trúng thầu phổ biến theo tên thương mại, giá thuốc trúng thầu phổ biến theo nhóm thuốc (giá trúng thầu phổ biến năm 2013 của thuốc Erythropoietin, tiêm theo một số nhóm thuốc, cụ thể như sau: 112.000 đồng/ hàm lượng 1000 UI, nhóm 3; hàm lượng 2000 UI: 180.000đồng/nhóm 2, 173.766 đồng/nhóm 3; 285.000 đồng/ hàm lượng 4000 UI, nhóm 3), BHXH tỉnh phối hợp cùng với Sở Y tế, cơ sở KCB xác định rõ nguyên nhân để nghiêm túc rút kinh nghiệm và báo cáo về BHXH Việt Nam trước ngày 31/3/2014.

Về thanh toán thuốc đã nhập: Cơ quan BHXH không thanh toán chi phí thuốc theo mức giá cao bất hợp lý, đặc biệt khi nguyên nhân giá thuốc cao bất hợp lý là do thông tin của thuốc trong kế hoạch đấu thầu, trong hồ sơ mời thầu gây hạn chế nhà thầu. BHXH tỉnh đề nghị Sở Y tế, cơ sở KCB thống nhất với nhà thầu điều chỉnh giá thuốc về mức phù hợp, trước mắt tạm điều chỉnh từ thời điểm 01/01/2014.

- Sử dụng thuốc trong thanh toán BHYT: Thống nhất với cơ sở KCB chỉ định và sử dụng hợp lý đối với thuốc Erythropoietin, tiêm, lưu ý liều lượng sử dụng thuốc trong điều trị thiếu máu ở bệnh nhân suy thận mãn dựa vào tình trạng người bệnh, đáp ứng của người bệnh khi sử dụng thuốc,... (trong khi chưa có phác đồ chuẩn do Bộ Y tế ban hành, tham khảo phác đồ điều trị suy thận mãn của Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Chợ Rẫy)/.

3. Báo cáo việc sử dụng thuốc trong năm 2013:

Đề nghị BHXH tỉnh phối hợp với các cơ sở KCB BHYT trên địa bàn thực hiện thống kê, báo cáo việc sử dụng thuốc Erythropoietin, tiêm trong năm 2013 (theo Phụ lục 5, Phụ lục 6 đính kèm) về BHXH Việt Nam trước ngày 31/3/2014 đồng thời bằng văn bản và file dữ liệu (file dữ liệu gửi đồng thời theo 2 địa chỉ banduocvtyt@vss.gov.vn và duocqlt@gmail.com)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế; Bộ Tài Chính;
- Tổng Giám đốc; (để b/c);
- UBND các tỉnh, Tp. trực thuộc TW;
- Các bệnh viện trực thuộc BHYT;
- Sở Y tế các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Các Ban CSYT, TCKT, KT;
- Website BHXH VN;
- Lưu:VT, DVT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
THÓ TUNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thảo

Phụ lục 1- Cách ghi Dạng bào chế, quy cách đóng gói của thuốc Erythropoietin, tiêm sản xuất trong nước làm hạn chế cạnh tranh trong quá trình đấu thầu

(Ban hành kèm theo Công văn số : 934 /BHXH-DVT ngày 20 / 3 /2014 của BHXH Việt Nam)

TT	Tên thuốc	SĐK	QCĐG	Nhà sản xuất	Đơn vị tính	Ghi chú	
1. Hàm lượng 1000 UI, tiêm							
1	Nanokine 10000 IU	VD-14024-11	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 ống dung môi 1ml	Công ty TNHH Công nghệ sinh học dược Na No Gen	Lọ	Việc chỉ ghi đích danh "bột đông khô để pha tiêm", lọ hoặc "dung dịch tiêm", lọ/ống hoặc "dung dịch tiêm" đóng gói sẵn trong "bơm tiêm/ syringe" của hàm lượng 1000 UI, 2000 UI, 3000 UI làm hạn chế cạnh tranh trong quá trình đấu thầu	
2	Nanokine 10000 IU	VD-14023-11	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn thuốc 1ml dung dịch tiêm, Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn thuốc 1ml dung dịch tiêm, Hộp 12 bơm tiêm đóng sẵn thuốc 1ml dung dịch tiêm.		Bơm tiêm		
3	Nanokine 10000 IU	VD-13156-10	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1 ml; Hộp 10 lọ dung dịch tiêm 1ml		Lọ		
2. Hàm lượng 2000 UI, tiêm							
1	Nanokine 2000 IU	VD-13159-10	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml, Hộp 10 lọ dung dịch tiêm 1ml	Công ty TNHH Công nghệ sinh học dược Na No Gen	Lọ		
2	Nanokine 2000 IU	VD-13157-10	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml; Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml; Hộp 12 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml dung dịch tiêm		Bơm tiêm		
3	Nanokine 2000 IU	VD-13158-10	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 lọ dung môi 1ml		Lọ		
4. Hàm lượng 4000 UI, tiêm							
1	Nanokine 4000 IU	VD-13160-10	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml; Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml, Hộp 12 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml dung dịch tiêm	Công ty TNHH Công nghệ sinh học dược Na No Gen	Bơm tiêm		
2	Nanokine 4000 IU	VD-13162-10	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml; Hộp 10 lọ dung dịch tiêm 1ml		Lọ		
3	Nanokine 4000 IU	VD-13161-10	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 lọ dung môi 1ml		Lọ		

sh

Phụ lục 2- Cách ghi Dạng bào chế, quy cách đóng gói của thuốc Erythropoietin, tiêm nhập khẩu làm hạn chế cạnh tranh trong quá trình đấu thầu

(Ban hành kèm theo Công văn số: 934 /BHXH-DVT ngày 20 / 3 /2014 của BHXH Việt Nam)

TT	Tên thuốc	SBK	Dạng bào chế	QCDG	Nhà sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Ghi chú
1. Hàm lượng 1000 UI, tiêm								
1	Eporex 1000 (đóng gói tại Cilag AG - Switzerland)	VN-7222-08	Thuốc tiêm	Hộp đựng 6 syringe đóng sẵn	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Germany	Syringe	Biệt dược gốc
2	Eporex 1000	VN-13192-11	Thuốc tiêm	Hộp 6 ống 0,5ml	Cilag AG	Switzerland	Ống	Biệt dược gốc
3	Recombinant Human Erythropoietin for injection	VN-10363-10	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ; hộp 5 lọ	Shanghai Chemo Wanbang Biopharma Co., Ltd	China	Lọ	
4	Genoepo	VN-8550-09	Bột đông khô để pha tiêm	Hộp 5 lọ	Shanghai Clonbiotech Co., Ltd.	China	Lọ	
5	Hemax	VN-5377-08	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm, 1 syringe, 2 kim tiêm	Bio Sidus S.A.	Argentina	Lọ	
6	Hemax (1000I.U)	VN-10099-10	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 xi lanh chứa 1ml nước cất pha tiêm, 2 kim tiêm	Bio Sidus S.A.	Argentina	Lọ	
7	Epocassa	VN-15281-12	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	Laboratorio Pablo Cassara S.R.L	Argentina	Lọ	Chỉ ghi Dạng dung dịch tiêm, lọ làm hạn chế cạnh tranh
8	Epokine Prefilled Injection 1000IU/0,5ml	VN-7107-08	Dung dịch tiêm	Hộp 6 syringe	CJ Corp.	Korea	Syringe	Chỉ ghi Dạng dung dịch tiêm, Syringe làm hạn chế cạnh tranh

nh

TT	Tên thuốc	SĐK	Dạng bào chế	QCĐG	Nhà sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Ghi chú
2. Hàm lượng 2000 UI, tiêm								
1	Eprex 2000	VN-13193-11	Thuốc tiêm	Hộp 6 ống 0,5ml	Cilag AG	Switzerland	Ống	Biệt dược gốc
2	Eprex 2000 (đóng gói tại Cilag AG - Switzerland)	VN-7224-08	Thuốc tiêm	Hộp đựng 6 syringe đóng sẵn	Vetter Pharma - Ferligung GmbH & Co. KG.	Germany	Syringe	Biệt dược gốc
3	Hemax 2000 IU	VN-13619-11	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống dung môi	Bio Sidas S.A.	Argentina	Lọ	Chỉ ghi Dạng bột đông khô để pha tiêm làm nan chế cạnh tranh
4	Recombinant Human Erythropoietin for injection	VN-10362-10	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Shanghai Chemo Wanbang Biopharma Co., Ltd.	China	Lọ	
5	Erykine PFS 2000IU/ml	VN-8222-09	Dung dịch tiêm	Hộp 1 ống 1ml	Intas Biopharmaceuticals Ltd.	India	Ống	
6	Betahema	VN-15769-12	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	Laboratorio Pablo Cassará S.R.L.	Argentina	Lọ	
7	Eripotin inj 2000IU	VN-11081-10	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ	TS Corporation	Korea	Lọ	
8	Epocassa	VN-15280-12	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	Laboratorio Pablo Cassará S.R.L.	Argentina	Lọ	
9	Provinel (2000 I.U)	VN-6026-08	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	MR Pharma S.A	Argentina	Lọ	

TT	Tên thuốc	SDK	Dạng bào chế	QCĐG	Nhà sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Ghi chú
10	Epocassa (đóng gói: Laboratorio Pablo Cassara S.R.L. - Argentina)	VN-15766-12	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	Instituto Biologico Contemporaneo S.A.	Argentina	Lọ	
11	Beta-poetin	VN-5215-10	Dung dịch tiêm	Hộp 6 ống	Zahravi Pharmaceutical Company	Iran	Ống	
12	Ior Epocim - 2000	VN-15383-12	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 1ml	Centro de Immunologia Molecular (CIM)	Cuba	Lọ	
13	Neorecomon	VN-8172-09	Dung dịch tiêm	Hộp 6 syringe 0,3ml + 6 kim tiêm	Roche Diagnostics GmbH	Germany	Syringe	
14	Recormon	VN-5355-10	dung dịch tiêm	Hộp đựng 6 syringe đóng sẵn	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Switzerland	Syringe	
15	Eritromax	VN-7999-09	Dung dịch tiêm	Hộp 1 syringe 0,5ml	Blausiegel Industria e Comercio Ltda	Brazil	Syringe	
16	Erihem 2.000IU	VN-5303-10	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm x 0,5ml	Daewoong Pharm. Co., Ltd.	Korea	Bơm tiêm	
17	Wepox 2000	VN-9891-10	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm sẵn 0,5ml	Wockhardt Limited	India	Bơm tiêm	
18	Mirafa prefilled inj 2000IU	VN-12491-11	Dung dịch tiêm	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn dung dịch tiêm	TS Corporation	Korea	Bơm tiêm	
19	Erihos 2,000IU	VN-15885-12	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm x 0,5ml	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea	Bơm tiêm	

kh

TT	Tên thuốc	SĐK	Dạng bào chế	QCĐG	Nhà sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Ghi chú
20	Epotiv Inj. 4000IU	VN-15484-12	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 3 xi lanh x 0,4ml	LG Life Sciences Ltd.	Korea	syringe	
21	Epokine Prefilled injection 2000 Units/0,5ml	VN-14503-12	Dung dịch tiêm	Hộp 6 syringe	CJ CheilJeang Ichon Plant	Korea	syringe	
22	Epotiv Inj. 2000IU	VN-15483-12	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 3 xi lanh x 0,5ml	LG Life Sciences Ltd.	Korea	syringe	
23	Vintor 2000	VN-9651-10	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm chứa 1ml có kèm kim tiêm	Gennova Biopharmaceuticals Ltd.	India	Bơm tiêm	
24	Hemapo 2000UI	VN-5718-08	Dung dịch tiêm	Hộp x 10 hộp nhỏ x 1 syringe	Shandong Kexing Bioproducts Co., Ltd.	China	Syringe	
25	Tobaject	VN-11825-11	Dung dịch tiêm	Hộp 1 syringe	Harbin Pharmaceutical Group Bioengineering Co., Ltd.	China	syringe	
3. Hàm lượng 3000 UI, tiêm								
1	Eprex 3000	VN-13194-11	Thuốc tiêm	Hộp 6 ống tiêm chứa sẵn thuốc 0,3ml	Cilag AG	Switzerland	Ống	Biệt dược gốc
2	Eprex 3000	VN-8209-09	Thuốc tiêm	Hộp đựng 6 syringe đóng sẵn	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Germany	syringe	Biệt dược gốc

nh

TT	Tên thuốc	SDK	Dạng bào chế	QCĐG	Nhà sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Ghi chú
3	Neorecormon	VN-8179-09	Thuốc tiêm	Hộp 6 syringe 0,3ml + 6 kim tiêm	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Germany	syringe	Chỉ ghi Đăng bán để hạn chế cạnh tranh
4	Hemapo 3000IU	VN-5719-08	Dung dịch tiêm	Hộp x 10 hộp nhỏ x 1 syringe	Shandong Kejing Bioproducts Co. Ltd.	China	syringe	Chỉ ghi Đăng bán để hạn chế cạnh tranh
5	Hemax (3000 IU)	VN-10-00-10	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 x 1 lọ (lọ chứa 2ml nước cất pha tiêm) 2 kim tiêm	Bio Sidus S.A.	Argentina	Lọ	Chỉ ghi Đăng bán để hạn chế cạnh tranh
4. Hàm lượng 4000 UI, tiêm								
1	Eporex 4000 (đóng gói tại Cilag AG - Switzerland)	VN-7225-08	Thuốc tiêm	Hộp đựng 6 syringe đóng sẵn	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Germany	Syringe	Biệt dược gốc
2	Eporex 4000	VN-13195-11	Thuốc tiêm	Hộp 6 ống x 0,4ml	Cilag AG	Switzerland	Ống	Biệt dược gốc
3	Hemax (4000 IU)	VN-13013-11	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 x 1 lọ bột đông khô + 1 Xylanh đựng 2ml nước cất pha tiêm	Bio Sidus S.A.	Argentina	Lọ	Chỉ ghi Đăng bán để hạn chế cạnh tranh
4	Pronivel 4000 IU	VN-16006-12	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	Laboratorio Elea S.A.C.I.F.yA	Argentina	Lọ	
5	Epocassa	VN-15279-12	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	Laboratorio Pablo Cassará S.R.L	Argentina	Lọ	

nl

TT	Tên thuốc	SĐK	Dạng bào chế	QCĐG	Nhà sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Ghi chú
6	Eripotin inj 4000IU	VN-11082-10	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ	TS Corporation	Korea	Lọ	
7	Erykine PFS 4000IU/ml	VN-8223-09	Dung dịch tiêm	Hộp 1 ống 1ml	Intas Biopharmaceuticals Ltd.	India	Ống	
8	Neorecormon	VN-16757-13	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,3ml	Roche Diagnostics GmbH	Germany	Bơm tiêm	
9	Recormon	VN-11027-10	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Hộp 6 syringe 0,3ml	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Switzerland	Syringe	
10	Eritromax	VN-8016-09	Dung dịch tiêm	Hộp 1 syringe 0,4ml	Blausiegel Industria e Comercio Ltda	Brazil	Syringe	
11	Wepox 4000	VN-9892-10	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Wockhardt Limited	India	Bơm tiêm	
12	Erihem 4.000IU	VN-5304-10	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm x 0,4ml	Daewoong Pharm. Co., Ltd.	Korea	Bơm tiêm	
13	Mirafo prefilled inj 4000IU	VN-11578-10	Dung dịch tiêm	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn dung dịch tiêm	TS Corporation	Korea	Bơm tiêm	
14	Erihos 4,000IU	VN-15886-12	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm x 0,4ml	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea	Bơm tiêm	

TT	Tên thuốc	SĐK	Dạng bào chế	QCĐG	Nhà sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Ghi chú
15	Vintor 4000	VN-9652-10	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm có chứa 1ml kèm kim tiêm	Gennova Biopharmaceuticals Ltd.	India	Bơm tiêm	
5. Hàm lượng 5000 UI, tiêm								
1	Neorecomon	VN-8180-09	Thuốc tiêm	Hộp 6 syringe 0,3ml + 6 kim tiêm	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Germany	Syringe	
2	Neorecomon	VN-8173-09	Dung dịch tiêm	Hộp 6 syringe 0,3ml + 6 kim tiêm	Roche Diagnostics GmbH	Germany	Syringe	
3	Recormon	VN-11867-11	dung dịch tiêm	Hộp 6 syringe 0,3ml	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Switzerland	Syringe	
6. Hàm lượng 6000 UI, tiêm								
1	Recormon	VN-11866-11	Dung dịch tiêm	Hộp 6 syringe 0,3ml	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Switzerland	Syringe	
5. Hàm lượng 10000 UI, tiêm								
1	Eprex 10 000	VN-13191-11	Thuốc tiêm	Hộp 6 ống tiêm chứa sẵn thuốc 1ml	Cilag AG	Switzerland	Ống	Biệt dược gốc
2	Eprex 10000 (đóng gói tại Cilag AG - Switzerland)	VN-7223-08	Thuốc tiêm	Hộp đựng 6 syringe đóng sẵn	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Germany	Syringe	Biệt dược gốc

sh

TT	Tên thuốc	SDK	Dạng bào chế	QC&G	Nhà sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Ghi chú
3	Erykne PFS 10.000IU/ml	VN-8221-09	Dung dịch tiêm	Hộp 1 ống 1ml	Intas Biopharmaceuticals Ltd.	India	Ống	Chỉ ghi Dạng dung dịch tiêm, ống để hạn chế nhà thầu.
4	Neorecormon	VN-8178-09	Thuốc tiêm	Hộp 6 syringe 0,3ml + 6 kim tiêm	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Germany	Syringe	
5	Neorecormon	VN-8171-09	Dung dịch tiêm	Hộp 6 syringe 0,3ml + 6 kim tiêm	Roche Diagnostics GmbH	Germany	Syringe	
6	Eritromax	VN-10007-10	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm 1ml	Blausiegel Industria e Comercio Ltda	Brazil	Bơm tiêm	
7	Erihos 10.000IU	VN-16245-13	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm x 1ml	Daewoong Pharmaceutic	Korea	Bơm tiêm	
8	Erihem 10.000IU	VN-11003-10	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm x 1ml	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea	Bơm tiêm	
9	Hemapo 10.000UI	VN-5717-08	Dung dịch tiêm	Hộp x 10 hộp nhỏ x 1 syringe	Shandong Kexing Bioproducts Co., Ltd.	China	Bơm tiêm	

sl

Phụ lục 3: Giá thành khác nhau giữa các dạng bào chế, đóng gói của thuốc Erythropoietin, 2000IU, tiêm của cùng một nhà sản xuất

(Ban hành kèm theo Công văn số: 934 /BHXH-DVT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của BHXH Việt Nam)

TT	Tên thuốc	SĐK	Dạng bào chế	QCĐG	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trung thân phổ biến
1	Nanokine 2000 IU	VD-13159-10	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml, Hộp 10 lọ dung dịch tiêm 1ml	Công ty TNHH Công nghệ sinh học dược Na No Gen	Việt Nam	Lọ	180,000
2	Nanokine 2000 IU	VD-13157-10	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml; Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml; Hộp 12 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml dung dịch tiêm		Việt Nam	Bơm tiêm đóng sẵn thuốc	210,000

Handwritten signature

Phụ lục 4: Giá thuốc trúng thầu phổ biến năm 2013 theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BYT-BTC của Erythropoietin

(Ban hành kèm theo Công văn số: 934 /BHXH-DVT ngày 20/1/2014 của BHXH Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Phân nhóm thuốc	Đơn vị tính	Giá phổ biến theo nhóm
1	Erythropoietin 1.000 UI, tiêm			
		Nhóm 3	Lọ/ ống/ bơm tiêm	112,000
2	Erythropoietin 2.000 UI, tiêm			
		NHOM 2	Lọ/ ống/ bơm tiêm	180,000
		NHOM 3	Lọ/ ống/ bơm tiêm	173,766
3	Erythropoietin 4.000 UI, tiêm			
		NHOM 2	Lọ/ ống/ bơm tiêm	360,000
		NHOM 3	Lọ/ ống/ bơm tiêm	285,000

sh

